

Bản án số: 174/2019/DS-ST
Ngày 26-11-2019
V/v “tranh chấp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 451/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Hoa L, sinh năm 1977 (có mặt)

Cư trú tại: Ấp CL, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T (vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn C (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp CL, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Đào Hoa L trình bày:

Bà T và ông C có tham gia hai dây hụi do bà làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 15/01/2012 al, loại hụi 300.000đ, nửa tháng khui 1 lần, gồm có 56 chung, bà T và ông C tham gia một chung. Chung hụi này, bà T và ông C đóng được vài lần hụi sống thì bỏ hốt, hiện còn nợ 14 lần hụi chết tương đương số tiền 4.200.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Mở ngày 30/3/2013 al, loại hụi 1.000.000đ, tháng khui 1

lần, gồm có 32 chung, bà T và ông C tham gia một chung. Chung hội này, bà T và ông C đóng được 2 lần hội sống đến lần thứ 3 thì bỏ hết, hiện nay còn nợ 25 lần hội chết tương đương số tiền 25.000.000đ.

Tổng cộng hai dây hội trên, bà T và ông C nợ 29.200.000đ. Sau đó, bà T và ông C trả được 4.000.000đ, còn nợ lại 25.200.000đ.

Nay bà L yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T trả lại số tiền hội 25.200.000 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu quan điểm:
Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà T và ông C có trách nhiệm trả số tiền nợ hội 25.200.000đ. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L không phải chịu, ông C và bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T và ông C nhưng ông bà đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông bà là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Bà L khởi kiện yêu cầu ông C và bà T trả số tiền nợ hội 25.200.000đ vì cho rằng ông C và bà T có tham gia hai chung hội trong hai dây hội mở ngày 15/01/2012 al và ngày 30/3/2013 al do bà L làm chủ. Xét thấy: Theo danh sách hội mở ngày 15 tháng 01 năm 2012 thể hiện bà T và ông C tham gia một chung với tên “củ thịnh” và danh sách hội mở ngày 30/0/2013 thể hiện bà T và ông C tham gia một chung với tên “củ”; biên bản làm việc đối với chị Trần Thu H ngày 25/10/2019 và chị Trần Kim T ngày 28/10/2019 và biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Ngọc P đều xác định ông C và bà T có tham gia hai dây hội do bà L làm chủ. Nên có đủ cơ sở xác định ông C và bà T có tham gia hai dây hội mở ngày 15/01/2012 (al) và ngày 30/3/2013 al do bà L làm chủ.

Đối với hai dây hội trên, bà L xác định ông C và bà T còn nợ lại số tiền 25.200.000đ. Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T và ông C nhưng ông bà không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đến thời điểm xét xử vụ án hai dây hội trên đã mãn thời gian dài nhưng bà L chỉ yêu cầu trả lại số tiền hội chết theo như thỏa thuận của hai bên là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà T và ông C có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ hội 25.200.000đ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L không phải chịu. Bà T và ông C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Hoa L. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn C trả cho bà L số tiền nợ hụi 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Hoa L không phải chịu, hoàn trả lại cho bà L 550.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009889 ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi. Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.260.000đ (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Đào Hoa L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đăng Quốc Trạng

